

Số: 128/TANDTC-KHTC

V/v đánh giá về mẫu trang phục, việc cấp phát, sử dụng trang phục trong ngành Tòa án nhân dân

Hà Nội, ngày 4 tháng 4 năm 2025

Kính gửi:

- Thủ trưởng các đơn vị dự toán trực thuộc Tòa án nhân dân tối cao;
- Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Căn cứ Nghị quyết số 221/2003/NQ-UBTVQH11 ngày 09/01/2003 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về trang phục đối với cán bộ, công chức ngành Tòa án và Hội thẩm; Giấy chứng minh Thẩm phán và Giấy chứng minh Hội thẩm;

Căn cứ Nghị quyết số 1214/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13/6/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về trang phục của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân; Giấy chứng minh Thẩm phán, Giấy chứng minh Hội thẩm;

Căn cứ Quyết định số 1738/QĐ-TANDTC ngày 23/11/2017 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao ban hành Quy chế cấp phát, sử dụng và quản lý trang phục, Giấy chứng minh Thẩm phán, Giấy chứng minh Hội thẩm, Giấy chứng nhận chức danh tư pháp, Giấy chứng nhận Tòa án nhân dân;

Thực hiện Kế hoạch số 36-KH/BCSD ngày 10/7/2024 của Ban Cán sự Đảng Tòa án nhân dân tối cao về việc triển khai thi hành Luật Tổ chức Tòa án nhân dân số 34/2024/QH15, Tòa án nhân dân tối cao tổ chức xây dựng Nghị quyết quy định về mẫu trang phục của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và phù hiệu thẩm phán; Thông tư quy định về mẫu trang phục của Thẩm tra viên, Thư ký Tòa án, công chức, viên chức và người lao động của ngành Tòa án nhân dân, quy định việc cấp phát, sử dụng trang phục của Thẩm phán, Hội thẩm, Thẩm tra viên, Thư ký Tòa án, công chức, viên chức và người lao động thuộc ngành Tòa án nhân dân.

Để đảm bảo công tác xây dựng Nghị quyết, Thông tư về trang phục được đúng quy định pháp luật, Tòa án nhân dân tối cao đề nghị Thủ trưởng các đơn vị dự toán trực thuộc Tòa án nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo đơn vị mình và đơn vị thuộc phạm vi quản lý khẩn trương triển khai đánh giá về mẫu trang phục của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thẩm tra viên, Thư ký Tòa án, công chức, người lao động và việc cấp phát, sử dụng trang phục của Thẩm phán, Hội thẩm, Thẩm tra viên, Thư ký Tòa án, công chức, viên chức và người lao động của ngành Tòa án nhân dân

bằng văn bản và gửi về Tòa án nhân dân tối cao (thông qua Cục Kế hoạch - Tài chính) trước ngày 20/4/2025.

(Kèm theo Công văn là Nghị quyết 221/2003/NQ-UBTVQH11, Nghị quyết số 1214/2016/NQ-UBTVQH13, Quyết định số 1738/QĐ-TANDTC, Đề cương, Biểu mẫu số 01TP, 02 HTND, 03 TTV TK CC, 04 ĐG)

Tòa án nhân dân tối cao thông báo để các đồng chí biết và triển khai thực hiện./.

Nơi nhận: *W*

- Như kính gửi;
- Đ/c Chánh án TANDTC (để b/c);
- Đ/c PCA Nguyễn Quốc Đoàn (để b/c);
- Công TT điện tử TANDTC (để đăng);
- Lưu VT KHTC *ma*

TL. CHÁNH ÁN
CỤC TRƯỞNG
CỤC KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH


Phạm Anh Tú

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH...

ĐỀ CƯƠNG

ĐÁNH GIÁ MẪU TRANG PHỤC VÀ VIỆC CẤP PHÁT, SỬ DỤNG TRANG PHỤC TRONG NGÀNH TÒA ÁN NHÂN DÂN

(Kèm theo Công văn số /TANDTC-KHTC ngày /4/2025 của
Tòa án nhân dân tối cao)

Thực hiện Kế hoạch số 36-KH/BCSD ngày 10/7/2024 của Ban Cán sự Đảng Tòa án nhân dân tối cao về việc triển khai thi hành Luật Tổ chức Tòa án nhân dân số 34/2024/QH15, Tòa án nhân dân tối cao gợi ý một số nội dung cơ bản để đơn vị chuẩn bị báo cáo như sau:

I. Đánh giá về mẫu trang phục

Tại Nghị quyết số 221/2003/NQ-UBTVQH11 ngày 09/01/2003 và Nghị quyết số 1214/2016/NQ-UBTVQH13 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 13/6/2016 Ủy ban thường vụ Quốc hội đã ban hành quy định về mẫu trang phục của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thẩm tra viên, Thư ký Tòa án, công chức trong ngành Tòa án nhân dân.

Tòa án nhân dân tối cao đề nghị đơn vị nghiên cứu, đánh giá về kiểu dáng, tính phù hợp, thẩm mỹ, nhận diện trong công việc, sự thoải mái khi sử dụng, tính hiệu quả trong việc sử dụng trang phục của các mẫu trang phục:

1. Mẫu trang phục của Thẩm phán
2. Mẫu trang phục của Hội thẩm nhân dân
3. Mẫu trang phục của Thẩm tra viên, Thư ký Tòa án, công chức

Lưu ý: Đơn vị không đánh giá về họa tiết, màu sắc, chất liệu của trang phục.

II. Đánh giá việc cấp phát, sử dụng trang phục

Tại Nghị quyết số 221/2003/NQ-UBTVQH11 ngày 09/01/2003 và Nghị quyết số 1214/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13/6/2016, Ủy ban thường vụ Quốc hội đã ban hành quy định về việc cấp phát của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thẩm tra viên, Thư ký Tòa án, công chức trong ngành Tòa án nhân dân và tại Quyết định 1738/QĐ-TANDTC ngày 23/11/2017, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đã ban hành quy chế cấp phát, sử dụng và quản lý trang phục.

1. Tòa án nhân dân tối cao đề nghị đơn vị nghiên cứu, đánh giá về sự phù hợp của tiêu chuẩn, định mức, niên hạn, thời gian cấp phát từng loại trang phục để đảm bảo việc thay thế

- Trang phục của Thẩm phán
- Trang phục của Hội thẩm nhân dân

- Trang phục của Thẩm tra viên, Thư ký Tòa án, công chức.

2. Việc sử dụng trang phục làm việc hàng ngày theo quy định tại Điều 10 Quyết định 1738/QĐ-TANDTC ngày 23/11/2017 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

3. Việc sử dụng lễ phục theo quy định tại Điều 11 Quyết định 1738/QĐ-TANDTC ngày 23/11/2017 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

4. Việc sử dụng trang phục xét xử theo quy định tại Điều 12 Quyết định 1738/QĐ-TANDTC ngày 23/11/2017 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

5. Đề nghị đơn vị đánh giá về sự phù hợp đối với quy trình cấp phát trang phục hiện nay (Tòa án nhân dân tối cao tổ chức may sắm tập trung trang phục và cấp phát trang phục đến từng Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thẩm tra viên, Thư ký Tòa án, công chức thuộc Tòa án nhân dân các cấp).

6. Việc cấp phát tiền mặt đối với trang phục là áo mưa, bít tất, tiền công may áo dài cho Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thẩm tra viên, Thư ký Tòa án, công chức tại đơn vị.

7. Việc theo dõi quản lý, minh bạch trong cấp phát, sử dụng trang phục đối với Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thẩm tra viên, Thư ký Tòa án, công chức tại đơn vị.

8. Việc kiểm tra, giám sát, kỷ luật trong thực hiện quy định về việc sử dụng trang phục đối với Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thẩm tra viên, Thư ký Tòa án, công chức tại đơn vị.

III. Đánh giá chung

Ưu điểm, hạn chế, bất cập, khó khăn, vướng mắc của cá nhân, đơn vị trong quá trình thực hiện việc cấp phát, sử dụng trang phục của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thẩm tra viên, Thư ký Tòa án, công chức trong ngành Tòa án nhân dân.

IV. Đề xuất, kiến nghị

Đề nghị các đơn vị nghiên cứu đề xuất, kiến nghị, bổ sung thêm những nội dung, quy định cần thiết liên quan đến mẫu trang phục của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thẩm tra viên, Thư ký, công chức và việc cấp phát, sử dụng trang phục của Thẩm phán, Hội thẩm, Thẩm tra viên, Thư ký Tòa án, công chức, viên chức và người lao động của ngành Tòa án nhân dân.

DANH GIÁ VỀ MẪU TRANG PHỤC VÀ VIỆC CẤP PHÁT TRANG PHỤC CỦA THẨM PHÁN TRONG NGÀNH TÒA ÁN NHÂN DÂN
(Kèm theo Công văn số /TANDTC-KHTC ngày / /2025 của Tòa án nhân dân tối cao)

STT	TÊN ĐƠN VỊ	Mẫu trang phục của Thẩm phán tại Nghị quyết số 1214/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13/6/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội																					
		Áo choàng xét xử		Lễ phục		Áo khoác chống rét		Quần áo thu đông (comple)		Quần áo xuân hè		Áo sơ mi dài tay		Cà vạt		Giày da		Thắt lưng		Cấp dưỡng tài liệu		Phù hiệu	
		Đồng ý	Không đồng ý	Đồng ý	Không đồng ý	Đồng ý	Không đồng ý	Đồng ý	Không đồng ý	Đồng ý	Không đồng ý	Đồng ý	Không đồng ý	Đồng ý	Không đồng ý	Đồng ý	Không đồng ý	Đồng ý	Không đồng ý	Đồng ý	Không đồng ý	Đồng ý	Không đồng ý
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
	TAND tỉnh ...	3	2	4	2	4	1	5		5		5		4	1	4	1						
1	Văn phòng TAND tỉnh	1	1	1		1		1		1		1		1		1							
2	TAND thành phố			1	1	1		1		1		1		1		1							
3	TAND huyện	1	1	1		1		1		1		1		1		1							
4	TAND huyện				1	1		1		1		1			1		1						
5	TAND huyện	1		1			1	1		1		1		1		1							

Lưu ý: đơn vị không đánh giá về màu sắc, họa tiết, chất liệu của trang phục

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký và ghi rõ họ tên)

..... ngày tháng năm 2025
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**ĐÁNH GIÁ VỀ MẪU TRANG PHỤC VÀ VIỆC CẤP PHÁT TRANG PHỤC CỦA HỘI THẨM NHÂN DÂN
TRONG NGÀNH TÒA ÁN NHÂN DÂN**

(Kèm theo Công văn số TANDTC-KHTC ngày / /2025 của Tòa án nhân dân tối cao)

STT	TÊN ĐƠN VỊ	Mẫu trang phục của Hội thẩm nhân dân tại Nghị quyết số 1214/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13/6/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội											Định mức, niên hạn cấp phát trang phục của Hội thẩm nhân dân tại Nghị quyết số 1214/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13/6/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội												
		Quần áo thu đông (comple)		Quần áo xuân hè		Cà vạt		Giày da		Thắt lưng		Cấp dựng tài liệu		Quần áo thu đông (comple)		Quần áo xuân hè		Cà vạt		Giày da		Thắt lưng		Cấp dựng tài liệu	
		Đồng ý	Không đồng ý	Đồng ý	Không đồng ý	Đồng ý	Không đồng ý	Đồng ý	Không đồng ý	Đồng ý	Không đồng ý	Đồng ý	Không đồng ý	Đồng ý	Không đồng ý	Đồng ý	Không đồng ý	Đồng ý	Không đồng ý	Đồng ý	Không đồng ý	Đồng ý	Không đồng ý	Đồng ý	Không đồng ý
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
	TAND tỉnh ...	3	2	5	0	4	1	3	2	3	2	5													
1	Văn phòng TAND tỉnh.....	1		1		1			1	1		1													
2	TAND thành phố		1	1		1		1		1		1													
3	TAND huyện	1		1		1		1		1		1													
4	TAND huyện		1	1		1		1		1		1													
5	TAND huyện	1		1		1		1		1		1													

Lưu ý: đơn vị không đánh giá về màu sắc, họa tiết, chất liệu của trang phục

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký và ghi rõ họ tên)

..... ngày tháng năm 2025

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**DÁNH GIÁ VỀ MẪU TRANG PHỤC VÀ VIỆC CẤP PHÁT TRANG PHỤC CỦA THẨM TRA VIÊN, THƯ KÝ, CÔNG CHỨC
TRONG NGÀNH TÒA ÁN NHÂN DÂN**

(Kèm theo Công văn số /TANDTC-KHHC ngày / /2025 của Tòa án nhân dân tối cao)

STT	TÊN ĐƠN VỊ	Mẫu trang phục của Thẩm tra viên, Thư ký, công chức tại Nghị quyết số 221/2003/NQ-UBTVQH11 ngày 09/01/2003 của Ủy ban thường vụ Quốc hội																	
		Áo khoác chống rét		Quần áo thu đông (comple)		Quần áo xuân hè		Áo sơ mi dài tay		Cà vạt		Giày da		Dép có quai hậu		Thắt lưng		Cấp dụng tài liệu	
		Đồng ý	Không đồng ý	Đồng ý	Không đồng ý	Đồng ý	Không đồng ý	Đồng ý	Không đồng ý	Đồng ý	Không đồng ý	Đồng ý	Không đồng ý	Đồng ý	Không đồng ý	Đồng ý	Không đồng ý	Đồng ý	Không đồng ý
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	TAND tỉnh ...	3	2	4	2	5		3	2	3	2	3	2	4	1	3	2	5	
1	Văn phòng TAND tỉnh.....	1	1	1		1		1		1		1		1		1		1	
2	TAND thành phố			1	1	1		1			1	1		1			1	1	
3	TAND huyện	1	1	1		1		1		1		1		1		1		1	
4	TAND huyện				1	1			1		1		1	1			1	1	
5	TAND huyện	1		1		1			1	1			1		1	1		1	

Lưu ý: đơn vị không đánh giá về màu sắc, họa tiết, chất liệu của trang phục

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm 2025
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

ĐÁNH GIÁ VIỆC SỬ DỤNG TRANG PHỤC TRONG NGÀNH TÒA ÁN NHÂN DÂN
(Kèm theo Công văn số /TANDTC-KHTC ngày / /2025 của Tòa án nhân dân tối cao)

STT	TÊN ĐƠN VỊ	Bổ sung mẫu trang phục của viên chức, người lao động		Tòa án nhân dân tối cao tổ chức may sắm tập trung và cấp phát đến Tòa án nhân dân các cấp		Quy định về việc sử dụng trang phục hàng ngày tại Điều 10 Quyết định số 1738/QĐ-TANDTC ngày 23/11/2017 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao		Quy định về việc sử dụng lễ phục tại Điều 11 Quyết định số 1738/QĐ-TANDTC ngày 23/11/2017 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao		Quy định về việc sử dụng trang phục xét xử tại Điều 12 Quyết định số 1738/QĐ-TANDTC ngày 23/11/2017 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao	
		Có	Không	Đồng ý	Không đồng ý	Đồng ý	Không đồng ý	Đồng ý	Không đồng ý	Đồng ý	Không đồng ý
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	TAND tỉnh ...	3	1	4		2	2	2	2	3	1
1	Văn phòng TAND tỉnh...	1		1		1		1		1	
2	TAND thành phố	1		1			1	1		1	
3	TAND huyện		1	1			1		1	1	
4	TAND huyện	1		1		1			1		1

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm 2025
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Số: 221/2003/NQ-UBTVQH11

Hà Nội, ngày 09 tháng 1 năm 2003

NGHỊ QUYẾT

**VỀ TRANG PHỤC ĐỐI VỚI CÁN BỘ, CÔNG CHỨC NGÀNH TOÀ ÁN VÀ HỘI THẨM;
GIẤY CHỨNG MINH THẨM PHÁN VÀ GIẤY CHỨNG MINH HỘI THẨM**

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

Căn cứ vào Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 51/2001/QH10 ngày 25 tháng 12 năm 2001 của Quốc hội khoá X, kỳ họp thứ 10;

Căn cứ vào Luật tổ chức Toà án nhân dân;

Căn cứ vào Pháp lệnh Thẩm phán và Hội thẩm Toà án nhân dân;

Xét đề nghị của Chánh án Toà án nhân dân tối cao;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Cán bộ, công chức Toà án nhân dân các cấp được cấp trang phục để sử dụng theo niên hạn, gồm có:

1. Quần áo thu đông: hai năm rưỡi một bộ, lần đầu cấp hai bộ;
2. áo khoác chống rét: năm năm một chiếc;
3. Quần áo xuân hè: một năm một bộ, lần đầu cấp hai bộ;
4. áo sơ mi dài tay: một năm một chiếc, lần đầu cấp hai chiếc;
5. Thắt lưng: hai năm một chiếc;
6. Giày da: hai năm một đôi, lần đầu cấp hai đôi;
7. Bít tất: một năm hai đôi;
8. Dép có quai hậu: một năm một đôi;
9. Cà vạt: năm năm hai chiếc;
10. áo mưa: hai năm một chiếc.

Thẩm phán, Thư ký Toà án, chuyên viên còn được cấp cặp đựng tài liệu: ba năm một chiếc.

Điều 2. Hội thẩm Toà án nhân dân địa phương được cấp trang phục để sử dụng theo niên hạn, gồm có:

1. Quần áo thu đông: năm năm một bộ;
2. Quần áo xuân hè: năm năm hai bộ;
3. áo sơ mi dài tay: năm năm hai chiếc;
4. Thắt lưng: hai năm rưỡi một chiếc;
5. Giày da: năm năm hai đôi;
6. Bít tất: một năm một đôi;
7. Cà vạt: năm năm hai chiếc.

Điều 3.

1. Hình thức, màu sắc các loại trang phục đối với Thẩm phán, cán bộ, công chức Toà án nhân dân các cấp và Hội thẩm nhân dân do Chánh án Toà án nhân dân tối cao quy định.

2. Trang phục đối với Thẩm phán, quân nhân, công chức và công nhân quốc phòng làm việc tại Toà án quân sự các cấp, Hội thẩm quân nhân thực hiện theo quy định về trang phục đối với Quân đội nhân dân Việt Nam.

Trang phục xét xử của Thẩm phán Toà án quân sự các cấp theo quy định về lễ phục đối với sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam.

Điều 4. Giấy chứng minh Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao, Thẩm phán Toà án nhân dân địa phương, Thẩm phán Toà án quân sự quân khu và tương đương, Thẩm phán Toà án quân sự khu vực; Giấy chứng minh Hội thẩm nhân dân Toà án nhân dân địa phương, Hội thẩm quân nhân Toà án quân sự quân khu và tương đương, Hội thẩm quân nhân Toà án quân sự khu vực do Chánh án Toà án nhân dân tối cao cấp.

Điều 5. Giấy chứng minh Thẩm phán có chiều dài 95 mm, chiều rộng 62 mm, gồm hai trang được trình bày như sau:

Trang một: nền đỏ, trên cùng là dòng chữ màu vàng "Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam", ở giữa là Quốc huy nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và phía dưới Quốc huy là dòng chữ màu vàng "Giấy chứng minh Thẩm phán", theo mẫu số 1.

MẪU SỐ 1

Trang hai: nền trắng, có hoa văn chìm màu hồng, có một đường gạch chéo màu đỏ rộng 8 mm chạy từ góc dưới bên trái lên góc trên bên phải, ở giữa có ngôi sao vàng năm cánh, theo mẫu số 2.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

GIẤY CHỨNG MINH THẨM PHÁN

Số:

Họ và tên:

Sinh ngày:

Chức vụ:

Toà án.....

.....

Nhiệm kỳ

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm

**CHÁNH ÁN
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO**

(Ký tên, đóng dấu)

Quốc
huy

Ảnh
3x4

MẪU SỐ 2

Điều 6.

1. Giấy chứng minh Hội thẩm nhân dân có chiều dài 95 mm, chiều rộng 62 mm, gồm hai trang được trình bày như sau:

Trang một: nền đỏ, trên cùng là dòng chữ màu vàng "Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam", ở giữa là Quốc huy nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và phía dưới Quốc huy là dòng chữ màu vàng "Giấy chứng minh Hội thẩm nhân dân", theo mẫu số 3.

MẪU SỐ 3

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Trang hai: nền trắng, có hoa văn chìm màu hồng, theo mẫu số 4.

GIẤY CHỨNG MINH HỘI THẨM NHÂN DÂN

Số:

Họ và tên:

Sinh ngày:

Toà án.....

Nhiệm kỳ

Quốc
huy

Ảnh
3x4

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm

CHÁNH ÁN
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

(Ký tên, đóng dấu)

MẪU SỐ 4

2. Giấy chứng minh Hội thẩm quân nhân có mẫu như Giấy chứng minh Hội thẩm nhân dân, trong đó dòng chữ "Giấy chứng minh Hội thẩm nhân dân" được thay bằng dòng chữ "Giấy chứng minh Hội thẩm quân nhân".

Điều 7. Trong giờ làm việc và khi thực hiện nhiệm vụ, Thẩm phán, cán bộ, công chức ngành Tòa án và Hội thẩm phải mang trang phục được cấp theo quy định; Thẩm phán phải mang Giấy chứng minh Thẩm phán, Hội thẩm phải mang Giấy chứng minh Hội thẩm.

Khi hết nhiệm kỳ, Thẩm phán, Hội thẩm phải nộp lại Giấy chứng minh Thẩm phán, Giấy chứng minh Hội thẩm; nếu được bổ nhiệm, được bầu hoặc được cử lại làm Thẩm phán, Hội thẩm thì được cấp Giấy chứng minh Thẩm phán, Giấy chứng minh Hội thẩm mới.

Điều 8. Thẩm phán, Hội thẩm không được sử dụng Giấy chứng minh Thẩm phán, Giấy chứng minh Hội thẩm vào mục đích tư lợi hoặc vào việc riêng; không được dùng Giấy chứng minh Thẩm phán, Giấy chứng minh Hội thẩm thay giấy giới thiệu, Giấy chứng minh nhân dân hoặc các loại giấy tờ tùy thân khác; khi mất Giấy chứng minh Thẩm phán, Giấy chứng minh Hội thẩm thì phải báo ngay cho cơ quan Công an nơi gần nhất và Chánh án Tòa án nơi mình công tác.

Điều 9. Khi Thẩm phán được miễn nhiệm, bị cách chức thì Chánh án Tòa án nhân dân tối cao thu hồi Giấy chứng minh Thẩm phán của người đó.

Khi Hội thẩm nhân dân, Hội thẩm quân nhân được miễn nhiệm, bị bãi nhiệm thì Chánh án Tòa án nhân dân tối cao thu hồi Giấy chứng minh Hội thẩm nhân dân hoặc Giấy chứng minh Hội thẩm quân nhân của người được miễn nhiệm hoặc bị bãi nhiệm.

Khi Thẩm phán được điều động công tác từ Tòa án nhân dân địa phương này đến Tòa án nhân dân địa phương khác cùng cấp hoặc từ Tòa án quân sự này đến Tòa án quân sự khác cùng cấp thì được đổi Giấy chứng minh Thẩm phán.

Điều 10. Thẩm phán, Hội thẩm vi phạm các quy định về chế độ sử dụng trang phục, Giấy chứng minh Thẩm phán, Giấy chứng minh Hội thẩm thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Người không phải là Thẩm phán, Hội thẩm mà sử dụng Giấy chứng minh Thẩm phán, Giấy chứng minh Hội thẩm để làm những việc trái pháp luật thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 218-NQ/UBTVQH9 ngày 25 tháng 8 năm 1994 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về trang phục đối với các Tòa án, Giấy chứng minh Thẩm phán và Hội thẩm và Nghị quyết số 272/2001/NQ-UBTVQH10 ngày 26 tháng 9 năm 2001 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về trang phục đối với Hội thẩm Tòa án nhân dân.

Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nguyễn Văn An

(Đã ký)

NGHỊ QUYẾT
VỀ TRANG PHỤC CỦA THẨM PHÁN, HỘI THẨM NHÂN DÂN;
GIẤY CHỨNG MINH THẨM PHÁN, GIẤY CHỨNG MINH
HỘI THẨM

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật tổ chức Tòa án nhân dân số 62/2014/QH13;

Xét đề nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao tại Tờ trình số 05/TTr-TANDTC ngày 19 tháng 5 năm 2016,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1.

1. Thẩm phán Tòa án nhân dân các cấp được cấp trang phục để sử dụng theo niên hạn gồm:

a) Trang phục xét xử;

b) Lễ phục: nam giới là bộ comple, nữ giới là bộ áo dài truyền thống;

c) Trang phục làm việc hàng ngày gồm:

- Trang phục xuân - hè là quần âu, áo sơ mi trắng;

- Trang phục thu - đông là bộ comple, áo sơ mi dài tay và áo khoác chống rét.

2. Thẩm phán được cấp: thắt lưng, giày da, bút tất, cà vạt, cặp đựng tài liệu và phù hiệu Thẩm phán.

Điều 2.

1. Hội thẩm nhân dân được cấp trang-phục để sử dụng theo niên hạn gồm:

- Trang phục xuân - hè là quần âu, áo sơ mi trắng;

- Trang phục thu - đông là bộ comple, áo sơ mi dài tay.

2. Hội thẩm nhân dân được cấp: thắt lưng, giày da, bút tất, cà vạt và cặp đựng tài liệu.

Điều 3.

Kiểu dáng, chất liệu, màu sắc của từng loại trang phục tại Điều 1 và Điều 2 Nghị quyết này do Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quy định.

Điều 4.

1. Niên hạn sử dụng trang phục của Thẩm phán:

- a) Lễ phục: năm năm một bộ;
- b) Trang phục xét xử: theo quy định tại khoản 2 Điều 13 của Nghị quyết này;
- c) Trang phục thu - đông: hai năm một bộ, lần đầu cấp hai bộ.

Đối với Thẩm phán các tỉnh, thành phố từ Đà Nẵng trở vào phía Nam (trừ tỉnh Lâm Đồng) được cấp trang phục thu - đông, bốn năm một bộ;

- d) Trang phục xuân hè: một năm một bộ, lần đầu cấp hai bộ.

Đối với Thẩm phán các tỉnh, thành phố từ Đà Nẵng trở vào phía Nam (trừ tỉnh Lâm Đồng) được cấp trang phục xuân - hè, một năm hai bộ, lần đầu cấp hai bộ;

- đ) Áo khoác chống rét: năm năm một chiếc;
- e) Áo sơ mi dài tay: một năm hai chiếc, lần đầu cấp hai chiếc;
- g) Thắt lưng: hai năm một chiếc;
- h) Giày da: hai năm một đôi, lần đầu cấp hai đôi;
- i) Bít tất: một năm hai đôi;
- k) Cà vạt: năm năm hai chiếc;
- l) Cặp đựng tài liệu: ba năm một chiếc.

2. Niên hạn sử dụng trang phục của Hội thẩm nhân dân:

- a) Trang phục thu - đông: năm năm một bộ;
- b) Trang phục xuân - hè: năm năm hai bộ; lần đầu cấp hai bộ.
- c) Áo sơ mi dài tay: năm năm hai chiếc, lần đầu cấp hai chiếc;
- d) Thắt lưng: năm năm hai chiếc;
- đ) Giày da: năm năm hai đôi, lần đầu cấp hai đôi;
- e) Bít tất: một năm hai đôi;
- g) Cà vạt: năm năm hai chiếc;
- h) Cặp đựng tài liệu: năm năm một chiếc.

Điều 5.

1. Phù hiệu Thẩm phán được làm bằng kim loại có hình chữ nhật màu xanh da trời (kích thước 2cm x 6cm), được dùng để đeo trên ngực trái của Thẩm phán. Trên mặt tấm biển phù hiệu, phía bên trái có biểu tượng của Tòa án; ở giữa ghi họ và tên Thẩm phán; phía bên phải có họa tiết để phân biệt các ngạch Thẩm phán, cụ thể như sau:

a) Đối với Thẩm phán sơ cấp: họa tiết phía bên phải có 01 vạch ngang màu đỏ, theo Mẫu số 1.



Mẫu số 1

b) Đối với Thẩm phán trung cấp: họa tiết phía bên phải có 02 vạch ngang màu đỏ (vạch thứ 2 ở trên vạch thứ nhất và ngắn hơn, ở chính giữa vị trí so với vạch thứ nhất), theo Mẫu số 2.



Mẫu số 2

c) Đối với Thẩm phán cao cấp: họa tiết phía bên phải có 03 vạch ngang màu đỏ (vạch thứ 3 ở chính giữa và ngắn hơn vạch thứ 2), theo Mẫu số 3.



Mẫu số 3

d) Đối với Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao: họa tiết ghi bên phải có 04 vạch ngang màu đỏ (vạch thứ 4 ở chính giữa và ngắn hơn vạch thứ 3), theo Mẫu số 4.

Phù hiệu của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao có ngôi sao vàng 5 cánh thiết kế phía trên chính giữa vạch ngang màu đỏ thứ 4, theo Mẫu số 5.



Mẫu số 4



Mẫu số 5

2. Phù hiệu Thẩm phán được cấp một lần cho mỗi ngạch.

Điều 6.

Trang phục của Thẩm phán làm việc tại các Tòa án quân sự và Hội thẩm quân nhân thực hiện theo quy định về trang phục đối với Quân đội nhân dân Việt Nam.

Điều 7.

Giấy chứng minh Thẩm phán, Giấy chứng minh Hội thẩm nhân dân, Giấy chứng minh Hội thẩm quân nhân do Chánh án Tòa án nhân dân tối cao cấp.

Điều 8.

Giấy chứng minh Thẩm phán có chiều dài 95 mm, chiều rộng 62 mm, gồm hai trang được trình bày như sau:

Mặt trước: nền đỏ, trên cùng là dòng chữ màu vàng "CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM", ở giữa là Quốc huy nước Cộng hòa xã hội chủ

ngĩa Việt Nam và phía dưới Quốc huy là dòng chữ màu vàng "GIẤY CHỨNG MINH THẨM PHÁN", theo Mẫu số 6.



MẪU SỐ 6



MẪU SỐ 7

Mặt sau: nền trắng, có hoa văn chìm màu hồng, có một đường gạch chéo màu đỏ rộng 8mm chạy từ góc dưới bên trái lên góc trên bên phải, ở giữa có ngôi sao vàng năm cánh, theo Mẫu số 7.

Điều 9.

1. Giấy chứng minh Hội thẩm nhân dân có chiều dài 95mm, chiều rộng 62mm, gồm hai trang, được trình bày như sau:

Mặt trước: nền đỏ, trên cùng là dòng chữ màu vàng "CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM", ở giữa là Quốc huy nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và phía dưới Quốc huy là dòng chữ màu vàng "GIẤY CHỨNG MINH HỘI THẨM NHÂN DÂN", theo Mẫu số 8.



MẪU SỐ 8



MẪU SỐ 9

Mặt sau: nền trắng, có hoa văn chìm màu hồng, theo Mẫu số 9.

2. Giấy chứng minh Hội thẩm quân nhân có mẫu như Giấy chứng minh Hội thẩm nhân dân, trong đó dòng chữ "GIẤY CHỨNG MINH HỘI THẨM

NHÂN DÂN" được thay bằng dòng chữ "GIẤY CHỨNG MINH HỘI THẨM QUẢN NHÂN".

Điều 10.

1. Trang phục xét xử của Thẩm phán được sử dụng tại phiên tòa hoặc phiên họp khi Thẩm phán tham gia xét xử hoặc giải quyết các vụ việc theo quy định của pháp luật.

2. Lễ phục được sử dụng trong các ngày lễ hoặc sự kiện quan trọng.

3. Trang phục làm việc hàng ngày được Thẩm phán sử dụng trong thời gian làm việc.

4. Trong giờ làm việc và khi thực hiện nhiệm vụ, Thẩm phán và Hội thẩm phải mặc trang phục được cấp theo quy định. Thẩm phán phải mang Giấy chứng minh Thẩm phán, Hội thẩm phải mang Giấy chứng minh Hội thẩm.

Điều 11.

1. Thẩm phán, Hội thẩm không được sử dụng Giấy chứng minh Thẩm phán, Giấy chứng minh Hội thẩm vào mục đích tư lợi hoặc vào việc riêng; không được dùng Giấy chứng minh Thẩm phán, Giấy chứng minh Hội thẩm thay giấy giới thiệu, Giấy chứng minh nhân dân hoặc các loại giấy tờ tùy thân khác; khi mất Giấy chứng minh Thẩm phán, Giấy chứng minh Hội thẩm thì phải báo ngay cho cơ quan Công an nơi gần nhất và Chánh án Tòa án nơi mình công tác.

2. Việc cấp, đổi, thu hồi Giấy chứng minh Thẩm phán, Giấy chứng minh Hội thẩm do Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quy định.

Điều 12.

Thẩm phán, Hội thẩm vi phạm các quy định về chế độ sử dụng trang phục, Giấy chứng minh Thẩm phán, Giấy chứng minh Hội thẩm thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 13.

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2016.

2. Đối với trang phục xét xử quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 Nghị quyết này, giao Chánh án Tòa án nhân dân tối cao tổ chức thực hiện thí điểm trang phục xét xử là áo choàng dài tay màu đen cho từng ngạch Thẩm phán tại một số Tòa án, đánh giá kết quả thực hiện và báo cáo trước ngày 01 tháng 7 năm 2017 để Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định.

Trong thời gian thực hiện thí điểm, Thẩm phán được cấp một lần hai chiếc áo choàng dài tay màu đen.

Tại những Tòa án không thực hiện thí điểm, Thẩm phán sử dụng trang phục xét xử theo quy định hiện hành cho đến khi có quy định mới của Ủy ban thường vụ Quốc hội về trang phục xét xử.

3. Nghị quyết này thay thế các quy định về trang phục Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân; Giấy chứng minh Thẩm phán và Giấy chứng minh Hội thẩm tại

Nghị quyết số 221/2003/NQ-UBTVQH11 ngày 09 tháng 01 năm 2003 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

4. Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Hà Nội, ngày 13 tháng 6 năm 2016

Số E-pas: 38909

TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Kim Ngân

Số: 1739/QĐ-TANDTC

Hà Nội, ngày 23 tháng 11 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế cấp phát, sử dụng và quản lý trang phục, Giấy chứng minh Thẩm phán, Giấy chứng minh Hội thẩm, Giấy chứng nhận chức danh tư pháp, Giấy chứng nhận Tòa án nhân dân

CHÁNH ÁN TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

Căn cứ Luật tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 221/2003/NQ-UBTVQH11 ngày 09/01/2003 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về trang phục đối với cán bộ, công chức Tòa án nhân dân; Nghị quyết số 1214/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về trang phục của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Giấy chứng minh Thẩm phán, Giấy chứng minh Hội thẩm; Nghị quyết số 419/2017/UBTVQH14 ngày 11 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thực hiện thống nhất trang phục xét xử của Thẩm phán Tòa án nhân dân.

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức - Cán bộ Tòa án nhân dân tối cao,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế cấp phát, sử dụng và quản lý trang phục, Giấy chứng minh Thẩm phán, Giấy chứng minh Hội thẩm, Giấy chứng nhận chức danh tư pháp, Giấy chứng nhận Tòa án nhân dân.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các đơn vị thuộc Tòa án nhân dân tối cao; Chánh án Tòa án quân sự Trung ương; Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao; Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận :

- Như Điều 2;
- Các Phó Chánh án TANDTC;
- Cổng thông tin điện tử;
- Lưu: Vụ TCCB (TH).

CHÁNH ÁN



Nguyễn Hòa Bình

QUY CHẾ

Cấp phát, sử dụng và quản lý trang phục, Giấy chứng minh Thẩm phán,
Giấy chứng minh Hội thẩm, Giấy chứng nhận chức danh tư pháp,
Giấy chứng nhận Tòa án nhân dân
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1738/QĐ-TANDTC ngày 23 tháng 11 năm 2017
của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về:

1. Cấp phát, sử dụng và quản lý trang phục đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các Tòa án nhân dân;
2. Cấp, sử dụng và quản lý Giấy chứng minh Thẩm phán, Giấy chứng minh Hội thẩm;
3. Mẫu, cấp, sử dụng và quản lý Giấy chứng nhận chức danh tư pháp, Giấy chứng nhận Tòa án nhân dân.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người được bổ nhiệm làm Thẩm phán Tòa án nhân dân và Tòa án quân sự các cấp.
2. Người được bầu làm Hội thẩm nhân dân và người được cử làm Hội thẩm quân nhân.
3. Thẩm tra viên, Thư ký Tòa án và công chức, viên chức, người lao động trong Tòa án nhân dân các cấp.
4. Thẩm tra viên, Thư ký Tòa án trong Tòa án quân sự các cấp.
5. Cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức và người có thẩm quyền tổ chức, thực hiện việc cấp phát và quản lý trang phục; cấp, đổi, thu hồi Giấy chứng minh Thẩm phán, Giấy chứng minh Hội thẩm, Giấy chứng nhận chức danh tư pháp và Giấy chứng nhận Tòa án nhân dân.

Điều 3. Nguyên tắc chung

1. Việc cấp, sử dụng trang phục, Giấy chứng minh Thẩm phán, Giấy chứng minh Hội thẩm, Giấy chứng nhận chức danh tư pháp và Giấy chứng nhận Tòa án nhân dân phải đúng đối tượng, tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và thống nhất trong Tòa án nhân dân.
2. Trang phục, Giấy chứng minh Thẩm phán, Giấy chứng minh Hội thẩm nhân dân, Giấy chứng minh Hội thẩm quân nhân, Giấy chứng nhận chức danh tư pháp và

Giấy chứng nhận Tòa án nhân dân được cấp cho Thẩm phán, Hội thẩm, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của Tòa án để sử dụng trong hoạt động công vụ theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

3. Không được sử dụng Giấy chứng minh Thẩm phán, Giấy chứng minh Hội thẩm nhân dân, Giấy chứng minh Hội thẩm quân nhân, Giấy chứng nhận chức danh tư pháp và Giấy chứng nhận Tòa án nhân dân vào mục đích tư lợi hoặc việc riêng; không dùng Giấy chứng minh Thẩm phán, Giấy chứng minh Hội thẩm nhân dân, Giấy chứng minh Hội thẩm quân nhân, Giấy chứng nhận chức danh tư pháp và Giấy chứng nhận Tòa án nhân dân thay giấy giới thiệu, căn cước công dân hoặc các giấy tờ tùy thân khác; khi mất hoặc để thất lạc các giấy tờ nêu trên phải báo ngay cho cơ quan Công an nơi gần nhất và Chánh án Tòa án nơi người đó công tác.

4. Mọi hành vi vi phạm trong việc cấp phát, sử dụng và quản lý trang phục, Giấy chứng minh Thẩm phán, Giấy chứng minh Hội thẩm, Giấy chứng nhận chức danh tư pháp và Giấy chứng nhận Tòa án nhân dân được xử lý theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

Điều 4. Trang phục

1. Trang phục gồm:

- a) Trang phục làm việc hàng ngày;
- b) Trang phục xét xử;
- c) Lễ phục.

2. Trang phục làm việc hàng ngày gồm:

- a) Trang phục xuân - hè: Quần âu màu tím than, áo sơ mi trắng;
- b) Trang phục thu - đông: Bộ comple tím than, áo sơ mi trắng dài tay và áo khoác chống rét màu đen.

3. Trang phục xét xử: Áo choàng dài tay màu đen theo quy định của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

4. Lễ phục gồm: Nam giới là bộ comple tím than, nữ giới là bộ áo dài truyền thống.

5. Trang phục đối với Thẩm phán, cán bộ, nhân viên, Hội thẩm quân nhân của Tòa án quân sự các cấp được thực hiện theo quy định về trang phục đối với Quân đội nhân dân Việt Nam.

Điều 5. Giấy chứng minh Thẩm phán, Giấy chứng minh Hội thẩm

1. Giấy chứng minh Thẩm phán, Giấy chứng minh Hội thẩm do Chánh án Tòa án nhân dân tối cao cấp cho người được bổ nhiệm làm Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Thẩm phán cao cấp, Thẩm phán trung cấp, Thẩm phán sơ cấp; người được bầu làm Hội thẩm Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Hội thẩm Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và tương đương; người được cử làm Hội thẩm quân nhân của Tòa án quân sự quân khu và tương đương, Tòa án quân sự khu vực.

2. Mẫu Giấy chứng minh Thẩm phán, Giấy chứng minh Hội thẩm được thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 1214/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về trang phục của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân; Giấy chứng minh Thẩm phán, Giấy chứng minh Hội thẩm.

Điều 6. Giấy chứng nhận chức danh tư pháp

1. Giấy chứng nhận chức danh tư pháp được cấp cho công chức Tòa án nhân dân và Tòa án quân sự các cấp được xếp vào ngạch Thẩm tra viên, Thư ký Tòa án.

2. Mẫu Giấy chứng nhận chức danh tư pháp do Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quy định, cụ thể như sau:

a) Kích thước: chiều dài 95 mm, chiều rộng 62 mm;

b) Mặt trước: nền đỏ, trên cùng là dòng chữ màu vàng “CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM” phông chữ VnArialH đậm, in hoa, cỡ chữ 10; ở giữa là logo Tòa án đường kính 25mm; phía dưới logo Tòa án là dòng chữ màu vàng “GIẤY CHỨNG NHẬN CHỨC DANH TƯ PHÁP” phông chữ VnArialH đậm, in hoa, cỡ chữ 13;

c) Mặt sau: nền trắng có hoa văn chìm hình trống đồng màu đỏ in chìm; góc trên bên trái có logo Tòa án, đường kính 14 mm; góc dưới bên trái có ảnh của công chức cỡ 20x30 mm; có thông tin về họ và tên, ngày, tháng, năm sinh, chức vụ, chức danh, đơn vị công tác, ngày cấp giấy chứng nhận chức danh tư pháp. Ảnh được đóng dấu chìm của cơ quan có thẩm quyền cấp.

Điều 7. Giấy chứng nhận Tòa án nhân dân

1. Giấy chứng nhận Tòa án nhân dân được cấp cho công chức, viên chức, người lao động trong Tòa án nhân dân các cấp không phải là chức danh tư pháp.

2. Mẫu Giấy chứng nhận Tòa án nhân dân do Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quy định, cụ thể như sau:

a) Kích thước: chiều dài 95 mm, chiều rộng 62 mm;

b) Mặt trước: nền trắng, trên cùng là dòng chữ màu đỏ “CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM” phông chữ VnArialH đậm, in hoa, cỡ chữ 10; ở giữa là logo Tòa án đường kính 25mm; phía dưới logo Tòa án là dòng chữ màu đỏ “GIẤY CHỨNG NHẬN TÒA ÁN NHÂN DÂN” phông chữ VnArialH, in hoa, cỡ chữ 13;

c) Mặt sau: nền trắng có hoa văn hình trống đồng màu vàng in chìm; góc trên bên trái có logo Tòa án, đường kính 14 mm; góc dưới bên trái có ảnh của công chức, viên chức, người lao động cỡ 20x30 mm; có thông tin về họ và tên, ngày, tháng, năm sinh, chức vụ, chức danh, đơn vị công tác, ngày cấp giấy chứng nhận Tòa án nhân dân. Ảnh được đóng dấu chìm của cơ quan có thẩm quyền cấp.

Điều 8. Các văn bản ban hành kèm theo Quy chế

1. Phụ lục số 1: Mẫu giấy chứng nhận chức danh tư pháp.

2. Phụ lục 2: Mẫu Giấy chứng nhận Tòa án nhân dân.
3. Phụ lục 3: Mẫu Tờ khai đề nghị cấp Giấy chứng minh Thẩm phán, Giấy chứng minh Hội thẩm.
4. Phụ lục 4: Mẫu Tờ khai đề nghị cấp Giấy chứng nhận chức danh tư pháp, Giấy chứng nhận Tòa án nhân dân.

Chương II

CẤP PHÁT, SỬ DỤNG VÀ QUẢN LÝ TRANG PHỤC, GIẤY CHỨNG MINH THẨM PHÁN, GIẤY CHỨNG MINH HỘI THẨM, GIẤY CHỨNG NHẬN CHỨC DANH TƯ PHÁP VÀ GIẤY CHỨNG NHẬN TÒA ÁN NHÂN DÂN

Mục 1

CẤP PHÁT, SỬ DỤNG VÀ QUẢN LÝ TRANG PHỤC

Điều 9. Cấp trang phục

Việc cấp trang phục được thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 1214/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về trang phục của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân; Giấy chứng minh Thẩm phán, Giấy chứng minh Hội thẩm và Nghị quyết số 221/2003/NQ-UBTVQH11 ngày 09 tháng 01 năm 2003 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về trang phục đối với cán bộ, công chức Tòa án nhân dân, cụ thể:

1. Tòa án nhân dân tối cao thực hiện việc cấp trang phục cho Thẩm phán, Thẩm tra viên, Thư ký Tòa án, công chức, viên chức, người lao động tại Tòa án nhân dân tối cao;
2. Tòa án quân sự Trung ương thực hiện việc cấp trang phục nghiệp vụ cho Thẩm phán, Hội thẩm quân nhân, Thẩm tra viên, Thư ký Tòa án, cán bộ, nhân viên tại các Tòa án quân sự theo quy định của Bộ Quốc phòng;
3. Tòa án nhân dân cấp cao thực hiện việc cấp trang phục cho Thẩm phán, Thẩm tra viên, Thư ký Tòa án, công chức, người lao động tại Tòa án nhân dân cấp cao;
4. Tòa án nhân dân cấp tỉnh thực hiện việc cấp trang phục cho Thẩm phán, Thẩm tra viên, Thư ký Tòa án, công chức, người lao động tại Tòa án nhân dân cấp tỉnh và Tòa án nhân dân cấp huyện thuộc tỉnh.

Điều 10. Sử dụng trang phục làm việc hàng ngày

1. Thẩm phán, Hội thẩm, công chức, viên chức, người lao động trong giờ làm việc hoặc khi thực hiện nhiệm vụ phải chấp hành quy định về sử dụng trang phục như sau:

- a) Mùa hè sử dụng trang phục xuân - hè: Quần âu màu tím than, áo sơ mi trắng để trong quần, đeo phù hiệu Thẩm phán (đối với Thẩm phán), biển tên ở ngực áo bên trái;

b) Mùa đông sử dụng trang phục thu - đông: Bộ comple tím than, áo sơ mi trắng dài tay để trong quần, đeo phù hiệu Thẩm phán (đối với Thẩm phán), biển tên ở ngực áo bên trái.

2. Thẩm phán, công chức, viên chức, người lao động, Hội thẩm thuộc Tòa án nhân dân các tỉnh phía Bắc, từ Thừa Thiên Huế trở ra, sử dụng trang phục theo mùa: Trang phục xuân hè từ ngày 01 tháng 4 đến hết ngày 31 tháng 10 hằng năm; trang phục thu đông từ ngày 01 tháng 11 năm trước đến hết ngày 31 tháng 3 năm sau. Thẩm phán, công chức, viên chức, người lao động thuộc Tòa án nhân dân các tỉnh phía Nam, từ thành phố Đà Nẵng trở vào (trừ tỉnh Lâm Đồng) sử dụng trang phục xuân - hè.

3. Trong thời gian giao mùa giữa mùa hè và mùa đông hoặc những địa phương có thời tiết trong ngày khác nhau, thường xuyên thay đổi, việc sử dụng trang phục do Chánh án Tòa án quyết định phù hợp với điều kiện thời tiết, khí hậu ở địa phương.

Điều 11. Sử dụng lễ phục

1. Thẩm phán, công chức, viên chức sử dụng lễ phục trong các trường hợp sau:

- a) Lễ mít tinh kỷ niệm do Đảng, Nhà nước, Tòa án nhân dân tối cao tổ chức;
- b) Lễ công bố và trao các quyết định bổ nhiệm;
- c) Lễ vinh danh Thẩm phán tiêu biểu, Thẩm phán mẫu mực;
- d) Hội nghị tổng kết và triển khai công tác năm;
- đ) Đại hội Đảng toàn quốc;
- e) Hội Quốc hội;
- g) Lễ đón nhận huân chương, huy chương, danh hiệu vinh dự Nhà nước.

2. Việc sử dụng lễ phục trong các trường hợp khác quy định tại khoản 1 Điều này do Trưởng ban tổ chức Hội nghị hoặc Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định.

3. Khi sử dụng lễ phục, Thẩm phán, công chức, viên chức được đeo huân chương, huy chương, kỷ niệm chương, huy hiệu của Đảng, Nhà nước, của Tòa án nhân dân ở ngực áo bên trái theo thứ tự hạng bậc từ cao đến thấp, từ trên xuống dưới, từ trái qua phải.

Điều 12. Sử dụng trang phục xét xử

Trang phục xét xử của Thẩm phán được sử dụng tại phiên tòa hoặc phiên họp khi Thẩm phán tham gia xét xử hoặc giải quyết các vụ việc theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Những trường hợp không bắt buộc sử dụng đúng trang phục

1. Do yêu cầu công tác, tiếp khách quốc tế, hội thảo quốc tế hoặc tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, hoạt động xã hội.

2. Nữ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong thời gian mang thai từ tháng thứ 3 đến khi sinh con hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi, trừ trường hợp khi thực hiện nhiệm vụ theo quy định phải sử dụng trang phục.

Mục 2

CẤP, SỬ DỤNG VÀ QUẢN LÝ GIẤY CHỨNG MINH THẨM PHÁN, GIẤY CHỨNG MINH HỘI THẨM

Điều 14. Thẩm quyền cấp Giấy chứng minh Thẩm phán, Giấy chứng minh Hội thẩm nhân dân, Giấy chứng minh Hội thẩm quân nhân

Chánh án Tòa án nhân dân tối cao cấp Giấy chứng minh Thẩm phán, Giấy chứng minh Hội thẩm nhân dân, Giấy chứng minh Hội thẩm quân nhân đối với các đối tượng sau đây:

1. Người được bổ nhiệm Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Thẩm phán cao cấp, Thẩm phán trung cấp, Thẩm phán sơ cấp được cấp Giấy chứng minh Thẩm phán;

2. Người được bầu làm Hội thẩm Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và tương đương được cấp Giấy chứng minh Hội thẩm nhân dân;

3. Người được cử làm Hội thẩm Tòa án quân sự quân khu và tương đương; Tòa án quân sự khu vực được cấp Giấy chứng minh Hội thẩm quân nhân.

Điều 15. Trình tự, thủ tục cấp mới Giấy chứng minh Thẩm phán, Giấy chứng minh Hội thẩm nhân dân, Giấy chứng minh Hội thẩm quân nhân

1. Người được bổ nhiệm làm Thẩm phán Tòa án nhân dân, Tòa án quân sự các cấp; được bầu làm Hội thẩm Tòa án nhân dân; được cử làm Hội thẩm Tòa án quân sự làm tờ khai đề nghị cấp Giấy chứng minh Thẩm phán, Giấy chứng minh Hội thẩm (kèm theo 02 ảnh 20 x 30 mm có túi đựng, ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh ở phía sau của ảnh) gửi Chánh án Tòa án nơi mình công tác hoặc làm nhiệm vụ xét xử.

2. Chánh án Tòa án nơi người được bổ nhiệm làm Thẩm phán; được bầu, cử làm Hội thẩm tiếp nhận tờ khai, kiểm tra đối chiếu thông tin và lập danh sách đề nghị cấp Giấy chứng minh Thẩm phán, Giấy chứng minh Hội thẩm gửi Tòa án nhân dân tối cao (qua Vụ Tổ chức - Cán bộ) để cấp Giấy chứng minh Thẩm phán, Hội thẩm.

3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của các Tòa án, Tòa án nhân dân tối cao thực hiện việc cấp Giấy chứng minh Thẩm phán, Giấy chứng minh Hội thẩm theo quy định tại Quy chế này.

Điều 16. Các trường hợp cấp đổi, cấp lại Giấy chứng minh Thẩm phán, Giấy chứng minh Hội thẩm nhân dân, Giấy chứng minh Hội thẩm quân nhân

1. Khi thay đổi thông tin trong Giấy chứng minh Thẩm phán, Giấy chứng minh Hội thẩm nhân dân, Giấy chứng minh Hội thẩm quân nhân (chức danh, chức vụ, đơn vị công tác ...).

2. Các thông tin trong Giấy chứng minh Thẩm phán, Giấy chứng minh Hội thẩm nhân dân, Giấy chứng minh Hội thẩm quân nhân đã cấp bị sai sót.

3. Giấy chứng minh Thẩm phán, Giấy chứng minh Hội thẩm nhân dân, Giấy chứng minh Hội thẩm quân nhân bị mất, bị hư hỏng không còn giá trị sử dụng.

Điều 17. Trình tự, thủ tục cấp đổi, cấp lại Giấy chứng minh Thẩm phán, Giấy chứng minh Hội thẩm nhân dân, Giấy chứng minh Hội thẩm quân nhân

1. Thẩm phán, Hội thẩm làm tờ khai đề nghị được cấp đổi, cấp lại Giấy chứng minh Thẩm phán, Giấy chứng minh Hội thẩm gửi Chánh án Tòa án nơi mình công tác hoặc làm nhiệm vụ xét xử (kèm theo 02 ảnh 20 x 30 mm có túi đựng, ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh ở phía sau của ảnh); đồng thời cung cấp các giấy tờ, tài liệu hợp pháp chứng minh việc Giấy chứng minh Thẩm phán, Giấy chứng minh Hội thẩm có sai sót, xác nhận thay đổi thông tin hoặc có bản giải trình về các giấy tờ bị mất, bị hư hỏng, không còn giá trị sử dụng.

2. Chánh án Tòa án nơi Thẩm phán, Hội thẩm công tác, làm nhiệm vụ xét xử tiếp nhận tờ khai, kiểm tra đối chiếu thông tin và lập danh sách đề nghị Tòa án nhân dân tối cao (qua Vụ Tổ chức - Cán bộ) xem xét việc cấp đổi, cấp lại Giấy chứng minh Thẩm phán, Giấy chứng minh Hội thẩm.

3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được danh sách đề nghị, Tòa án nhân dân tối cao thực hiện việc cấp lại, cấp đổi Giấy chứng minh Thẩm phán, Giấy chứng minh Hội thẩm theo quy định.

Điều 18. Thu hồi Giấy chứng minh Thẩm phán, Giấy chứng minh Hội thẩm nhân dân, Giấy chứng minh Hội thẩm quân nhân

1. Các trường hợp thu hồi Giấy chứng minh Thẩm phán, Giấy chứng minh Hội thẩm:

- a) Được cấp không đúng quy định;
- b) Bị hư hỏng không còn giá trị sử dụng;
- c) Thẩm phán, Hội thẩm nghỉ hưu, thôi việc;
- d) Thẩm phán, Hội thẩm thay đổi cơ quan, đơn vị công tác, chức danh, chức vụ công tác (không còn là Thẩm phán hoặc Hội thẩm);
- đ) Thẩm phán, Hội thẩm hết nhiệm kỳ;
- e) Thẩm phán bị cách chức, miễn nhiệm;
- g) Hội thẩm nhân dân, Hội thẩm quân nhân được miễn nhiệm, bãi nhiệm;
- h) Thẩm phán, Hội thẩm bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Thực hiện việc thu hồi

a) Chánh án Tòa án nơi Thẩm phán công tác, Hội thẩm làm nhiệm vụ xét xử có trách nhiệm thu hồi và nộp lại Giấy chứng minh Thẩm phán, Giấy chứng minh Hội thẩm cho Tòa án nhân dân tối cao (qua Vụ Tổ chức - Cán bộ), kèm theo văn

bản báo cáo lý do thu hồi Giấy chứng minh Thẩm phán, Giấy chứng minh Hội thẩm.

b) Tòa án nhân dân tối cao (Vụ Tổ chức - Cán bộ) tiếp nhận các Giấy chứng minh Thẩm phán, Giấy chứng minh Hội thẩm bị thu hồi và thực hiện việc tiêu hủy theo quy định.

Mục 3

CẤP, SỬ DỤNG VÀ QUẢN LÝ GIẤY CHỨNG NHẬN CHỨC DANH TƯ PHÁP, GIẤY CHỨNG NHẬN TÒA ÁN NHÂN DÂN

Điều 19. Thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận chức danh tư pháp, Giấy chứng nhận Tòa án nhân dân *

1. Chánh án Tòa án nhân dân tối cao cấp Giấy chứng nhận chức danh tư pháp, Giấy chứng nhận Tòa án nhân dân cho các đối tượng sau đây:

a) Cấp Giấy chứng nhận chức danh tư pháp cho: Thẩm tra viên, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tối cao; Thẩm tra viên cao cấp, Thư ký viên cao cấp của Tòa án nhân dân và Tòa án quân sự các cấp;

b) Cấp Giấy chứng nhận Tòa án nhân dân cho công chức khác (không phải là chức danh tư pháp), viên chức, người lao động trong Tòa án nhân dân tối cao.

2. Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao cấp Giấy chứng nhận chức danh tư pháp, Giấy chứng nhận Tòa án nhân dân cho các đối tượng sau đây:

a) Cấp Giấy chứng nhận chức danh tư pháp cho: Thẩm tra viên, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân cấp cao;

b) Cấp Giấy chứng nhận Tòa án nhân dân cho công chức khác (không phải là chức danh tư pháp), người lao động trong Tòa án nhân dân cấp cao.

3. Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cấp Giấy chứng nhận chức danh tư pháp, Giấy chứng nhận Tòa án nhân dân cho các đối tượng sau đây:

a) Cấp Giấy chứng nhận chức danh tư pháp cho: Thẩm tra viên, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân cấp tỉnh và Tòa án nhân dân cấp huyện thuộc tỉnh;

b) Cấp Giấy chứng nhận Tòa án nhân dân cho công chức khác (không phải là chức danh tư pháp), người lao động trong Tòa án nhân dân cấp tỉnh và Tòa án nhân dân cấp huyện thuộc tỉnh.

4. Chánh án Tòa án quân sự Trung ương cấp Giấy chứng nhận chức danh tư pháp cho Thẩm tra viên, Thư ký Tòa án của Tòa án quân sự các cấp.

Điều 20. Trình tự, thủ tục cấp mới Giấy chứng nhận chức danh tư pháp, Giấy chứng nhận Tòa án nhân dân

1. Thẩm tra viên, Thư ký Tòa án, công chức khác, viên chức, người lao động làm tờ khai đề nghị cấp Giấy chứng minh chức danh tư pháp, Giấy chứng nhận

Tòa án nhân dân (kèm theo 02 ảnh 20 x 30 mm có túi đựng, ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh ở phía sau của ảnh) gửi Chánh án Tòa án nơi mình công tác.

2. Chánh án Tòa án nơi Thẩm tra viên, Thư ký Tòa án, công chức khác, viên chức, người lao động công tác tiếp nhận tờ khai, kiểm tra đối chiếu thông tin và thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận chức danh tư pháp, Giấy chứng nhận Tòa án nhân dân cho các đối tượng theo đúng quy định tại Quy chế này.

3. Đối với Thẩm tra viên cao cấp, Thư ký viên cao cấp: Chánh án Tòa án tiếp nhận tờ khai, kiểm tra đối chiếu thông tin và lập danh sách đề nghị cấp Giấy chứng nhận chức danh tư pháp gửi Tòa án nhân dân tối cao (qua Vụ Tổ chức - Cán bộ). Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị, Tòa án nhân dân tối cao thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận chức danh tư pháp.

Điều 21. Các trường hợp cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận chức danh tư pháp, Giấy chứng nhận Tòa án nhân dân

1. Khi thay đổi thông tin trong Giấy chứng nhận chức danh tư pháp, Giấy chứng nhận Tòa án nhân dân (chức danh, chức vụ, đơn vị công tác ...).

2. Các thông tin trong Giấy chứng nhận chức danh tư pháp, Giấy chứng nhận Tòa án nhân dân đã cấp bị sai sót.

3. Giấy chứng nhận chức danh tư pháp, Giấy chứng nhận Tòa án nhân dân bị mất, bị hư hỏng không còn giá trị sử dụng.

Điều 22. Trình tự, thủ tục cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận chức danh tư pháp, Giấy chứng nhận Tòa án nhân dân

1. Cán bộ, công chức làm tờ khai đề nghị được cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận chức danh tư pháp, Giấy chứng nhận Tòa án nhân dân (kèm theo 02 ảnh 20 x 30 mm có túi đựng, ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh ở phía sau), đồng thời cung cấp các giấy tờ, tài liệu hợp pháp chứng minh Giấy chứng nhận chức danh tư pháp, Giấy chứng nhận Tòa án nhân dân đã được cấp có sai sót thông tin hoặc có bản giải trình về việc các giấy tờ bị mất, bị hư hỏng, không còn giá trị sử dụng.

2. Việc cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận chức danh tư pháp, Giấy chứng nhận Tòa án nhân dân được thực hiện theo quy định tại Điều 20 Quy chế này.

Điều 23. Thu hồi Giấy chứng nhận chức danh tư pháp, Giấy chứng nhận Tòa án nhân dân

1. Các trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận chức danh tư pháp, Giấy chứng nhận Tòa án nhân dân:

a) Được cấp không đúng quy định;

b) Bị hư hỏng không còn giá trị sử dụng;

c) Công chức, viên chức, người lao động nghỉ hưu, thôi việc, chuyển công tác (ra ngoài Tòa án nhân dân);

d) Công chức, viên chức, người lao động bị xử lý kỷ luật bằng hình thức buộc thôi việc;

đ) Công chức, viên chức, người lao động bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Việc thu hồi và hủy Giấy chứng nhận chức danh tư pháp do cơ quan, người có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận chức danh tư pháp thực hiện theo quy định và Quy chế này.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 24. Trách nhiệm thực hiện

1. Chánh án Tòa án nhân dân các cấp tổ chức quán triệt đến toàn thể cán bộ, công chức, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý và tổ chức thực hiện đúng quy định tại Quy chế này.

Mở sổ theo dõi việc cấp, cấp đổi, thu hồi Giấy chứng nhận chức danh tư pháp, Giấy chứng nhận Tòa án nhân dân.

2. Trách nhiệm của người được cấp Giấy chứng minh Thẩm phán, Giấy chứng minh Hội thẩm, Giấy chứng nhận chức danh tư pháp, Giấy chứng nhận Tòa án nhân dân:

a) Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động có trách nhiệm quản lý, sử dụng Giấy chứng minh Thẩm phán, Giấy chứng minh Hội thẩm, Giấy chứng nhận chức danh tư pháp, Giấy chứng nhận Tòa án nhân dân theo đúng quy định tại Quy chế này. Tuyệt đối không được cho mượn Giấy chứng minh Thẩm phán, Giấy chứng minh Hội thẩm, Giấy chứng nhận chức danh tư pháp, Giấy chứng nhận Tòa án nhân dân dưới bất kỳ hình thức nào;

b) Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm mất hoặc làm hư hỏng Giấy chứng minh Thẩm phán, Giấy chứng minh Hội thẩm, Giấy chứng nhận chức danh tư pháp, Giấy chứng nhận Tòa án nhân dân phải báo cáo và giải trình với cơ quan, đơn vị có thẩm quyền quản lý; đồng thời đề nghị được cấp đổi, cấp lại Giấy chứng minh Thẩm phán, Giấy chứng minh Hội thẩm, Giấy chứng nhận chức danh tư pháp, Giấy chứng nhận Tòa án nhân dân;

c) Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động phải trả lại Giấy chứng minh Thẩm phán, Giấy chứng minh Hội thẩm, Giấy chứng nhận chức danh tư pháp, Giấy chứng nhận Tòa án nhân dân cho cơ quan quản lý khi thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 18 và khoản 1 Điều 23 Quy chế này.

3. Chánh án Tòa án quân sự Trung ương tổ chức quán triệt đến các Tòa án quân sự thuộc thẩm quyền quản lý và tổ chức thực hiện đúng quy định tại Quy chế này.

Mở sổ theo dõi việc cấp, cấp đổi, thu hồi Giấy chứng nhận chức danh tư pháp trong Tòa án quân sự các cấp.

4. Trách nhiệm của Vụ Tổ chức - Cán bộ Tòa án nhân dân tối cao:

a) Quản lý phôi làm Giấy chứng minh Thẩm phán, Giấy chứng minh Hội thẩm theo quy định tại Quy chế này;



b) Theo dõi, đôn đốc và báo cáo Chánh án Tòa án nhân dân tối cao về tình hình thực hiện Quy chế này.

Điều 25. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

1. Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu phát hiện những vướng mắc, khó khăn đề nghị phản ánh về Tòa án nhân dân tối cao (qua Vụ Tổ chức - Cán bộ) để tổng hợp, báo cáo Chánh án Tòa án nhân dân tối cao xem xét, chỉ đạo.

2. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quyết định. /

CHÁNH ÁN



Nguyễn Hòa Bình

PHỤ LỤC 01


Mẫu Giấy chứng nhận chức danh tư pháp

1. Kích thước: Chiều dài 95 mm, chiều rộng 62 mm.

2. Mặt trước: nền đỏ, trên cùng là dòng chữ “CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM” phông chữ VnArialH đậm, màu vàng, in hoa, cỡ chữ 10; ở giữa là logo Tòa án đường kính 20mm; phía dưới logo Tòa án là dòng chữ “GIẤY CHỨNG NHẬN CHỨC DANH TƯ PHÁP” phông chữ VnArialH, màu vàng, in hoa, cỡ chữ 13 (hình 1).



3. Mặt sau: nền trắng có hoa văn chìm, màu đỏ; ở giữa có hình trống đồng in chìm; góc trên bên trái có logo Tòa án, đường kính 14mm; góc dưới bên trái có ảnh của cán bộ, công chức, viên chức, cỡ 20x30 mm; có thông tin về họ và tên, ngày, tháng, năm sinh, chức vụ, chức danh, đơn vị công tác của cán bộ, công chức, viên chức, ngày cấp giấy chứng nhận chức danh tư pháp. Ảnh được đóng dấu chìm của cơ quan có thẩm quyền cấp (hình 2).

	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc	
	GIẤY CHỨNG NHẬN CHỨC DANH TƯ PHÁP	
	Số:.....	
Ảnh 2x3cm	Họ và tên: Sinh ngày: Chức vụ: Chức danh: Đơn vị: Ngày cấp:	

PHỤ LỤC 02

Mẫu Giấy chứng nhận Tòa án nhân dân

1. Kích thước: Chiều dài 95 mm, chiều rộng 62 mm.

2. Mặt trước: nền trắng, trên cùng là dòng chữ “CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM” phông chữ VnArialH đậm, màu đỏ, in hoa, cỡ chữ 10; ở giữa là logo Tòa án đường kính 20mm; phía dưới logo Tòa án là dòng chữ “GIẤY CHỨNG NHẬN TÒA ÁN NHÂN DÂN” phông chữ VnArialH, màu đỏ, in hoa, cỡ chữ 13 (hình 1).



3. Mặt sau: nền trắng có hoa văn chìm, màu vàng; ở giữa có hình trống đồng in chìm; góc trên bên trái có logo Tòa án, đường kính 14mm; góc dưới bên trái có ảnh của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động cỡ 20x30 mm; có thông tin về họ và tên, ngày, tháng, năm sinh, chức vụ, chức danh, đơn vị công tác của cán bộ, công chức, viên chức, ngày cấp giấy chứng nhận Tòa án nhân dân. Ảnh được đóng dấu chìm của cơ quan có thẩm quyền cấp (hình 2).

PHỤ LỤC 03

**Mẫu Tờ khai đề nghị cấp Giấy chứng minh Thẩm phán,
Giấy chứng minh Hội thẩm**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY CHỨNG MINH THẨM PHÁN
(GIẤY CHỨNG MINH HỘI THẨM NHÂN DÂN,
GIẤY CHỨNG MINH HỘI THẨM QUÂN NHÂN)**

Kính gửi: Chánh án Tòa án nhân dân tối cao
Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh.

Họ và tên:

Ngày tháng năm sinh:

Chức danh:

Chức vụ:

Đơn vị công tác:

Nhiệm kỳ:

Lý do cấp đổi, cấp lại (đối với các trường hợp cấp đổi, cấp lại):.....

Mã số định danh:

Đề nghị Chánh án Tòa án nhân dân tối cao cấp mới (cấp đổi, cấp lại) Giấy chứng minh Thẩm phán (Giấy chứng minh Hội thẩm) cho tôi.

Tôi xin cam đoan các thông tin trên là chính xác.

**XÁC NHẬN CỦA
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

....., ngày..... tháng năm 201...
Người khai



PHỤ LỤC 04

**Mẫu Tờ khai đề nghị cấp Giấy chứng nhận tư pháp,
Giấy chứng nhận Tòa án nhân dân**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH
TÒA ÁN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN CHỨC DANH TƯ PHÁP
(GIẤY CHỨNG NHẬN TÒA ÁN NHÂN DÂN)**

Kính gửi: Chánh án Tòa án nhân dân

Họ và tên:
Ngày tháng năm sinh:
Chức danh:
Chức vụ:
Đơn vị công tác:
Lý do cấp đổi, cấp lại (đối với các trường hợp cấp đổi, cấp lại):.....

.....
.....
.....

Mã số định danh :.....

Đề nghị Chánh án Tòa án nhân dân cấp mới (cấp đổi, cấp lại)

Giấy chứng nhận chức danh tư pháp (Giấy chứng nhận Tòa án nhân dân) cho
tôi.

Tôi xin cam đoan các thông tin trên là chính xác.

....., ngày..... tháng năm 201...

**XÁC NHẬN CỦA
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

Người khai

